

Bản án số: 115/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Nam

2. Bà Phan Thị Dòn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 771/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1050/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Văn S, sinh năm 1983; địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2024, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết N trình bày như sau:

Bà Nguyễn Tuyết N và ông Phạm Văn S chung sống với nhau vào năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/2016. Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng từ

khoảng năm 2020 đến nay, ông S bỏ nhà đi không liên hệ gì với vợ con. Vợ chồng sống ly thân gần 05 năm nay, không còn liên hệ về tình cảm và kinh tế.

Nay bà N nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn S để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Phạm Trí N1, sinh ngày 23/11/2016 và Phạm Chí T, sinh ngày 28/9/2019. Do các con chung đã ở cùng mẹ từ nhỏ cho tới nay, bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, ông S không quan tâm con cũng như không gửi tiền chu cấp nên bà N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tòa án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Tuyết N được ly hôn với ông Phạm Văn S. Giao con chung là trẻ Phạm Trí N1, sinh ngày 23/11/2016 và Phạm Chí T, sinh ngày 28/9/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Tuyết N và ông Phạm Văn S chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S, bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 17/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Phạm Văn S không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Phạm Văn S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng năm 2020 đến nay, ông S bỏ nhà đi không liên hệ gì với vợ con. Vợ chồng sống ly thân gần 05 năm nay, không còn liên hệ về tình cảm và kinh tế. Nay bà N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn S để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “*Đương sự Phạm Văn S, sinh năm 1983 có cư trú tại Nhà trọ, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông S không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...*”.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà N yêu cầu ly hôn với ông S là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Tuyết N.

b) Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Trí N1, sinh ngày 23/11/2016 và Phạm Chí T, sinh ngày 28/9/2019. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A: “Qua rà soát, tổ hòa giải cơ sở liên ấp chưa có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu hòa giải tranh chấp hay mâu thuẫn hôn nhân và gia đình nào của bà Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1980 và ông Phạm Văn S, sinh năm 1983 đề nghị giải quyết. Do đó Tổ hòa giải cơ sở liên ấp chưa có thực hiện hòa giải hôn nhân và gia đình...”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tòa án đã lập biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Phạm Trí N1 và trẻ có nguyện vọng được sống chung với Mẹ. Đồng thời theo trình bày của bà N thì các con chung đã ở cùng mẹ từ nhỏ cho tới nay, bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, ông S không quan tâm con cũng như không gửi tiền chu cấp cho các con. Do đó bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung để ổn định việc học hành cho các trẻ và cũng tạo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho con. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông S Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó nêu rõ nội dung bà N yêu cầu nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông S không đến Tòa án để làm việc và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Tuyết N được ly hôn với ông Phạm Văn S. Giao con chung là trẻ Phạm Trí N1, sinh ngày 23/11/2016 và Phạm Chí T, sinh ngày 28/9/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết N được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/2016 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là Phạm Trí N1, sinh ngày 23/11/2016 và Phạm Chí T, sinh ngày 28/9/2019 cho bà Nguyễn Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở cha, mẹ thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0042838 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).



**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tuyết